

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K,
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 07/9/2022
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Tưởng Thanh L, sinh năm 1992; ĐKKH và trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1994; ĐKKH và trú tại: Xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là anh Tưởng Thanh L trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn 12 tháng 9 năm 2011 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, cả hai không cso biện pháp nào hàn gắn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh và chị T đã sống ly thân mỗi người một nơi từ năm 2014 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không

thể khắc phục được nên anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với chị Trang để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung cháu Tường Mai P, sinh ngày 10/12/2011. Hiện cháu đang ở cùng với chị T, nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị Trang không có. Nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là chị Đinh Thị T hiện đang cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho chị T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị T thông qua mẹ đẻ chị T là bà Đinh Thị H theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến của mình đối với những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Con chung của anh chị là cháu Tường Mai P thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai của cháu P trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án : Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Tường Thanh L ly hôn với chị Đinh Thị T.
- Về con chung: Giao cháu Tường Mai P, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2011 cho chị Đinh Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Tường Thanh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Án phí: Anh Tường Thanh L nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Tường Thanh L có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với chị Đinh Thị T có nơi ĐKKH và trú tại : xóm 5, xã K, huyện K,

tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Tường Thanh L, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Đinh Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tường Thanh L và chị Đinh Thị T có đăng ký kết hôn năm 2011 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã K một thời gian ngắn. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, bản thân cả hai anh chị đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, từ năm 2014 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tham gia hòa giải tại tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị T không có mặt và thể hiện thái độ bỏ mặc không thiện trí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn dẫn đến việc Tòa án đã không thể tiến hành hòa giải được vụ án.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K xác định: Chị Đinh Thị T là công dân cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, Chị T và anh Tường Thanh L sau khi tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có Đăng ký kết hôn tại UBND xã K năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn như thế nào thì UBND xã không nắm được. Qua tìm hiểu tại cơ sở thì từ năm 2014 đến nay chị T và anh L sống ly thân mỗi người một nơi. Chị T và cháu P sống cùng bố mẹ chị T là ông bà H – D ở xóm 5, xã K. Anh L không sinh sống cùng chị T và cháu P. Về con cái anh chị có một con chung cháu Tường Mai P hiện cháu P đang ở cùng với chị T và ông bà H D, về mức thu nhập của hai vợ chồng thì UBND xã không nắm được. Nay anh L xin ly hôn chị T Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của anh L và chị T các bên có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay sống ly thân nhau 8 năm nay không còn quan tâm đến nhau nữa và cả 2 đều không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung cháu Tường Mai P, sinh ngày 10/12/2011. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu P do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và khi cháu P ở với mẹ thì chị T cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Nay anh L và chị T ly hôn nguyện vọng của tham khảo ý kiến của cháu thì nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ, khi bố mẹ ly hôn. Về phía anh L do tôn trọng nguyện vọng của cháu P nên cũng mong muốn được giao cháu P cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu cũng như không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu P căn cứ vào điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia

đình Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Tường Mai P cho chị Đình Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống.

Anh Tường Thanh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Anh L và chị T không có tài sản chung và công nợ, nay ly hôn anh L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Tường Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ để sung ngân sách nhà nước

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Tường Thanh L và chị Đình Thị T.

2/ Về con chung: Giao cháu Tường Mai P, sinh ngày 10/12/2011 cho chị Đình Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh L không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Tường Thanh L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004890 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã K.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh**